

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/DS-PT

Ngày : 30/8/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bạch Đăng Thi

***Các thẩm phán:*** Bà Phạm Thị Minh Hiền

Ông Đặng Văn Quyết

***Thư ký phiên tòa:*** Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:*** Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2019/TLPT- DS ngày 23 tháng 04 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/TLPT- DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2019/QĐ-PT ngày 19/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 116 ngày 28/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 129 ngày 30/7/2019, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn MT, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**\* Bị đơn:** Ông Nguyễn Trọng L, sinh năm 1944 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn MT, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:**

Ông Nguyễn Văn Th, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hoàng Gia Th, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Âu Thị O, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn MT, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Oanh: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn MT, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: xã ĐB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Khu đô thị mới, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

**\* Người làm chứng:** Ông Âu Văn T1, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn MT, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 7 năm 2016 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, nguyên đơn (ông Nguyễn Trọng H) trình bày như sau:*

Quan hệ giữa ông H và ông Nguyễn Trọng L là mối quan hệ họ hàng và ở cùng xóm với nhau nên ngày 06/3/2014 ông đã cho ông L và bà Lê Thị Minh T (bà T và ông L chung sống với nhau như vợ chồng) vay số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), thời hạn vay là 05 tháng (từ 06/3/2014 đến 06/8/2014) để kinh doanh. Khi vay ông L có thế chấp cho ông diện tích đất ở 96m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 388m<sup>2</sup> đất ở thuộc quyền sử dụng của gia đình ông L, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 090931 ngày 10/8/2002 của UBND huyện Hiệp Hòa cấp cho hộ ông L. Hai bên có thỏa thuận rõ, nếu hết hạn trả nợ mà bên vay không trả được thì diện tích đất thế chấp và tài sản gắn liền thuộc quyền sử dụng của bên cho vay. Tuy nhiên, đến hết hạn trả nợ ông L không trả tiền cho ông, cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ông sử dụng, ông đã đòi nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy, ông đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ông L phải trả cho ông số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) đã vay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2017/DSST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông L và bà Lê Thị Minh T phải liên đới trả cho ông số tiền 700.000.000đồng. Do có kháng cáo và kháng nghị, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm. Tại bản án số 22/2018/DSPT ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã hủy bản án sơ thẩm số 47 nêu trên và giao cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Trong quá trình Tòa án giải quyết lại vụ án, ngày 21/02/2019 ông đã có đơn xin rút

một phần yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu bà Lê Thị Minh T phải liên đới trả cùng ông L số tiền 700.000.000đồng. Nay ông chỉ yêu cầu ông Nguyễn Trọng L phải trả cho ông ½ số tiền 700 triệu đồng mà ông L, bà T đã vay của ông, yêu cầu ông L phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

*Bị đơn (ông Nguyễn Trọng L) trình bày:* Ông và bà Lê Thị Minh T có quan hệ tình cảm, chung sống với nhau như vợ chồng từ lâu nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2013 bà T chuyển sang thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh ở, thỉnh thoảng ông vẫn qua lại chung sống với bà T. Ngày 06/3/2014, bà T có gọi ông sang chỗ bà T ở. Khi ông sang có cả ông H ở đó, bà T đã ép ông ký vào giấy tờ mà bà T đã viết sẵn. Do sợ bà T không cho về nên mặc dù mắt kém không đọc được rõ nội dung nhưng ông vẫn phải ký vào giấy tờ này. Cũng kể từ đó ông không còn đi lại với bà T nữa. Sau này ông H có nói cho ông biết giấy tờ mà ông ký là giấy vay tiền 700.000.000đồng và giấy tờ thế chấp quyền sử dụng đất của ông cho ông H. Ông xác định ông không vay tiền, không được nhận tiền của ông H nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, không đồng ý trả ông H số tiền 700.000.000đồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Lê Thị Minh T):* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc. Qua xác minh hiện nay bà T không có mặt tại nơi cư trú cuối cùng, không xác định được hiện bà T đang ở đâu, hiện nay Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh ra quyết định truy nã về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà T không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người làm chứng (ông Âu Văn T1):* Xác định ông T1 có xác nhận vào giấy biên nhận vay tiền và hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất do ông H và ông L cùng đến nhà ông đề nghị xác nhận nên ông đã ký xác nhận vào 02 giấy nêu trên do ông H đưa ra và đã viết sẵn có chưa ký của ông H, ông L và bà T từ trước, ông chỉ nghe ông H và ông L nói lại và bảo ông ký chứng kiến thì ông ký vào các giấy tờ nêu trên.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã xử :

Áp dụng các Điều: 280, 281, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Trọng H.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trọng H yêu cầu ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị Minh T phải thanh toán trả cho ông H số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Trọng L phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Trọng H và bà Âu Thị O số tiền vay nợ gốc là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trọng H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Trọng H số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000427 ngày 14/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Trọng L do ông L là người cao tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ọc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/4/2019, ông Nguyễn Trọng L là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Không đồng ý với toàn bộ bản án số 08/2019/DSST của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H đòi ông 350 triệu đồng; Đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Trọng H là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, ông Nguyễn Trọng L là bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Trọng L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu.

Ông Nguyễn Trọng H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng L phải trả vợ chồng ông 350 triệu đồng.

Luật sư Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa, song trước đó có gửi bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Nguyễn Trọng L (Bản luận cứ không đề ngày, chỉ đề tháng 7 năm 2019).

Chủ tọa phiên tòa đã công bố toàn bộ bản luận cứ về quyền và lợi ích cho ông Nguyễn Trọng L (Bản luận cứ không đề ngày, chỉ đề tháng 7 năm 2019) của luật sư Nguyễn Văn Th.

Ông Luyện: Đồng ý với luận cứ của luật sư Nguyễn Văn Th.

Ông H: Không đồng ý với luận cứ của luật sư Nguyễn Văn Th.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm cho ông L vì ông là người cao tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2016 của ông Nguyễn Trọng H xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Minh T được tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật song vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng L thấy:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H và lời phản bác của ông Nguyễn Trọng L thấy rằng: Mặc dù ông Nguyễn Trọng L không thừa nhận vay tiền của ông Nguyễn Trọng H nhưng căn cứ vào lời khai, giấy vay nợ tiền do nguyên đơn xuất trình, đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ đã có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Trọng L cùng với bà Lê Thị Minh T khi còn chung sống với nhau như vợ chồng có ký kết vay số tiền 700.000.000 đồng của ông Nguyễn Trọng H vào ngày 06/3/2014. Bởi lẽ ông L thừa nhận chữ ký của ông L trong Giấy vay nợ tiền và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là do ông L ký.

Mặt khác, chính ông L đã cùng ông H đem các văn bản này đến gặp ông Âu Văn T1 khi đó là trưởng thôn MT, xã M để đề nghị ký xác nhận làm chứng. Việc ông L cho rằng bị bà T ép buộc ông L ký các văn bản nêu trên nhưng ông L không đưa ra được chứng cứ cụ thể nào để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

Theo hợp đồng mà đôi bên đã ký kết thì ông L và bà T là bên vay, ông H là bên cho vay, thời hạn trả là 06/8/2014. Vay không lãi nhưng có thỏa thuận thế chấp một phần đất ở, nếu không trả tiền thì ông H được sử dụng phần đất đã thế chấp. Tuy nhiên, cho đến nay phía ông L, bà T không thực hiện theo như đã cam kết, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc ông H khởi kiện đòi số tiền đã cho vay là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Trong vụ án này, cả ông L và bà T cùng phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông H vì cả hai cùng ký kết vay chung. Tuy nhiên, ông H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T, chỉ yêu cầu ông L phải trả phần trách nhiệm của ông L là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) là  $\frac{1}{2}$  số tiền mà ông L và bà T đã vay của ông H, xét là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu của ông H yêu cầu ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị Minh T phải trả cho ông H số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và cần buộc ông Nguyễn Trọng L phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông H, bà O số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp.

Về lãi suất, do ông H tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với việc thế chấp quyền sử dụng đất mà hai bên ký kết cùng ngày 06/3/2014 do không tuân thủ về hình thức, không công chứng, chứng thực hoặc đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên xác định là hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều: 127, 137 và 410 của Bộ luật dân sự năm 2005, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Luận cứ của luật sư Nguyễn Văn Th bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Nguyễn Trọng L đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 08 ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa và bác yêu cầu của H đòi ông L 350 triệu đồng, với sự phân tích số tiền khi ông H cho bà T và ông L vay là không có thật, tài sản bảo đảm việc thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có, và việc cần phải có mặt bà T tham gia xét xử, đề nghị căn cứ vào Quyết định kháng nghị số 24 ngày 17/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Luận cứ của luật sư Nguyễn Văn Th bảo vệ quyền và lợi ích cho ông

Nguyễn Trọng L là không có cơ sở và căn cứ pháp lý, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H là có căn cứ. Kháng cáo của ông Nguyễn Trọng L là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Trọng H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Trọng H số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000427 ngày 14/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều: 280, 281, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Trọng H.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trọng H yêu cầu ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị Minh T phải thanh toán trả cho ông H số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Trọng L phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Trọng H và bà Âu Thị O số tiền vay nợ gốc là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án:

Ông Nguyễn Trọng H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Trọng H số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000427 ngày 14/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Trọng L.

[2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã kí)**

**Bạch Đăng Thi**

